

Phụ Chú Giải Tập Yếu Luật Tạng – 30. Luận giải các quy định luật liên quan đến các vật dụng trọng yếu trong Tăng đoàn

## 30. Garubhaṇḍavinicchaya-kathā

### 30. Lời luận giải về các vật dụng nặng

**227. Garubhaṇḍānīti** ettha “pañcimāni, bhikkhave, avissajjiyāni na vissajjetabbāni saṅghena vā gaṇena vā puggalena vā, vissajjitānipi avissajjitāni honti, yo vissajjeyya, āpatti thullaccayassā”tiādina (cūḷava. 321) nayena dassitāni ārāmo ārāmavattthu, vihāro vihāravattthu, mañco pīṭhaṃ bhisī bimbohanaṃ, lohakumbhī lohabhāṇakaṃ lohavārako lohakaṭṭhaṃ vāsi pharasu kuṭṭhārī kudālo nikhādanaṃ, valli veḷu muñjaṃ pabbajaṃ tiṇaṃ mattikā dārubhaṇḍaṃ mattikābhaṇḍanti imāni pañca garubhaṇḍāni nāma.

**227.** Ở đây, về **các vật dụng nặng**, theo cách thức đã được chỉ ra: “Này các Tỳ-khưu, có năm loại vật dụng này không được cho đi, không được Tăng chúng, nhóm, hay cá nhân cho đi. Dù đã cho đi cũng xem như chưa cho. Ai cho đi, phạm tội Trọng Tội” v.v... (cūḷava. 321), năm loại vật dụng nặng này là: vườn cây và đất vườn cây; tu viện và đất tu viện; giường, ghế, nệm, gối; nồi đồng, chảo đồng, ấm đồng, chảo đồng lớn, riu, búa, búa nhỏ, cuốc, thuổng; dây leo, tre, cỏ muñja, cỏ pabbaja, cỏ, đất sét, đồ gỗ, đồ đất sét.

Tattha (cūḷava. aṭṭha. 321) **ārāmo** nāma pupphārāmo vā phalārāmo vā. **Ārāmavattthu** nāma tesamyeva ārāmānaṃ atthāya paricchinditvā ṭhapitokāso, tesu vā ārāmesu vinaṭṭhesu tesam porāṇakabhūmibhāgo. **Vihāro** nāma yaṃ kiñci pāsādādi senāsanaṃ. **Vihāravattthu** nāma tassa patitṭhānokāso. **Mañco** nāma masārako bundikābaddho kuḷīrapādako āhaccapādakoti imesaṃ catunnaṃ mañcānaṃ aññataro. **Pīṭhaṃ** nāma masārakādīnaṃyeva catunnaṃ pīṭhānaṃ aññataraṃ. **Bhisī** nāma uṇṇabhisiādīnaṃ pañcanaṃ aññatarā. **Bimbohanaṃ** nāma rukkhātūlalatātūlapoṭakītūlānaṃ aññataraṃ. **Lohakumbhī** nāma kālālohena vā tambalohena vā yena kenaci lohena katakumbhī. **Lohabhāṇakā**dīsupi eseṃ nayo. Ettha pana **bhāṇakanti** arañjaro vuccati. **Vārakoti** ghaṭo. **Kaṭṭhaṃ** kaṭṭhameva. **Vāsi**dīsu **valli**dīsu ca duviññeyyaṃ nāma natthi. **Pañcā**ti ca rāsivasena vuttaṃ, sarūpavasena panetāni pañcaviśatividhāni honti. Vuttañhetam – Ở đây (cūḷava. aṭṭha. 321), **vườn cây** là vườn hoa hoặc vườn cây ăn quả. **Đất vườn cây** là khu vực được khoanh vùng và để dành cho các vườn cây đó, hoặc là phần đất cũ của các vườn cây đó sau khi chúng đã bị hủy hoại. **Tu viện** là bất kỳ chỗ ở nào như lâu đài v.v... **Đất tu viện** là nơi xây dựng tu viện đó. **Giường** là một trong bốn loại giường: giường masāraka, giường có dây đan, giường chân cua, giường có chân gập. **Ghế** là một trong bốn loại ghế masāraka v.v... **Nệm** là một trong năm loại nệm bằng len v.v... **Gối** là một trong các loại gối làm từ bông gòn, bông dây leo, bông lau. **Nồi đồng** là nồi được

làm bằng sắt, đồng, hoặc bất kỳ kim loại nào. Đối với **chảo đồng** v.v... cũng theo cách này. Ở đây, **chảo** được gọi là arañjara. **Ấm** là ghaṭa. **Chảo lớn** là kaṭāha. Trong các loại **riêu** v.v... và **dây leo** v.v..., không có gì khó hiểu. Chữ **năm** được nói theo nhóm, còn theo hình thức thì chúng có hai mươi lăm loại. Điều này đã được nói:

“Dvisaṅgahāni dve honti, tatiyaṃ catusaṅgamaṃ;

Catutthamaṃ navakoṭṭhāsaṃ, pañcamaṃ aṭṭhabhedanaṃ.

“Hai nhóm đầu có hai loại, nhóm thứ ba có bốn loại;

“Nhóm thứ tư có chín phần, nhóm thứ năm có tám loại.

“Iti pañcahi rāsīhi, pañcanimmalaḥlocaṇaṃ;

Pañcavīsavidhamā nātho, garubhaṇḍamaṃ pakāsayī”ti.

“Như vậy, với năm nhóm, bậc có ngũ nhãn thanh tịnh;

“Đấng Thiện Thệ đã chỉ ra hai mươi lăm loại vật dụng nặng.”

Tatrāyaṃ vinicchayaḥkathā – idañhi sabbampi garubhaṇḍamaṃ senāsanakkhandhake

“avissajjiya”nti vuttamaṃ, kīṭāgiri vatthusmiṃ “avebhaṅgiya”nti dassitaṃ, parivāre pana –

Lời phân tích ở đây như sau: tất cả các vật dụng nặng này đã được nói là “không được cho đi” trong phẩm Chỗ Ở, và được chỉ ra là “không được phân chia” trong câu chuyện ở Kīṭāgiri. Nhưng trong bộ Parivāra lại có nói:

“Avissajjiyaṃ avebhaṅgiyaṃ,

Pañca vuttā mahesinā;

Vissajjentassa paribhuñjantassa anāpatti,

Pañhāmesā kusalehi cintitā”ti. (pari. 479) –

“Không được cho đi, không được phân chia,

“Năm điều đã được bậc Đại Sĩ nói;

“Người cho đi, người sử dụng không phạm tội,

“Đây là vấn đề được các bậc trí tuệ suy ngẫm.” (pari. 479) –

Āgamaṃ. Tasmā mūlacchejjasena avissajjiyañca avebhaṅgiyañca, parivattanavasena

pana vissajjentassa paribhuñjantassa ca anāpattīti evamettha adhippāyo veditabbo.

Do đó, nên hiểu ý nghĩa ở đây là: về mặt triết tiêu gốc rễ thì không được cho đi và không được phân chia, nhưng về mặt trao đổi thì người cho đi và người sử dụng không phạm tội.

**228.** Tatrāyaṃ anupubbikathā – idaṃ tāva pañcavidhampi cīvarapiṇḍapātabhesajjatthāya upanetum na vaṭṭati, thāvarena ca thāvaram, garubhaṇḍena ca garubhaṇḍam parivattetum vaṭṭati. Thāvare pana khettaṃ vatthu taḷākam mātikāti evarūpaṃ bhikkhusaṅghassa vicāretum vā sampāṭicchitum vā adhivāsetum vā na vaṭṭati, kappiyakārakeheva vicāritato kappiyabhaṇḍam vaṭṭati. Ārāmena pana ārāmaṃ ārāmavatthum vihāraṃ vihāravatthuntī imāni cattāripi parivattetum vaṭṭati.

**228.** Ở đây, lời nói tuần tự như sau: năm loại này không được dùng để đổi lấy y phục, vật thực khát thực, và thuốc men. Nhưng được phép dùng vật cố định để đổi lấy vật cố định, dùng vật dụng nặng để đổi lấy vật dụng nặng. Tuy nhiên, đối với vật cố định như ruộng, đất, ao, kênh, Tăng chúng không được phép quản lý, nhận, hay chấp thuận. Nhưng vật dụng hợp lệ từ những thứ được người làm công quả quản lý thì được phép. Được phép dùng vườn cây để đổi lấy vườn cây, đất vườn cây, tu viện, và đất tu viện, cả bốn loại này.

Tatrāyaṃ parivattananayo – saṅghassa nāḷikerārāmo dūre hoti, kappiyakārakā bahutaram khādanti, yampi na khādanti, tato sakaṭavetanam datvā appameva āharanti, aññesaṃ pana tassa ārāmassa avidūre gāmaṃvāsīnaṃ manussānaṃ viharassa samīpe ārāmo hoti, te saṅgham upasaṅkamitvā sakena ārāmena tam ārāmaṃ yācanti, saṅghena “ruccati saṅghassā”ti apaloketvā sampāṭicchitabbo. Sacepi bhikkhūnaṃ rukkhassahassaṃ hoti, manussānaṃ pañca satāni, “tumahākaṃ ārāmo khuddako”ti na vattabbaṃ. Kiñcāpi hi ayaṃ khuddako, atha kho itarato bahutaram āyaṃ deti. Sacepi samakameva deti, evampi icchitacchitakkhaṇe paribhuñjitum sakkāti gahetabbameva. Sace pana manussānaṃ bahutarā rukkhā honti, “nanu tumhākaṃ bahutarā rukkhā”ti vattabbaṃ. Sace “atirekaṃ amhākaṃ puññaṃ hotu, saṅghassa demā”ti vadanti, jānāpetvā sampāṭicchitum vaṭṭati. Bhikkhūnaṃ rukkhā phaladhārino, manussānaṃ rukkhā na tāva phalam gaṇhanti, kiñcāpi na gaṇhanti, “na cirena gaṇhissanti”ti sampāṭicchitabbameva. Manussānaṃ rukkhā phaladhārino, bhikkhūnaṃ rukkhā na tāva phalam gaṇhanti, “nanu tumhākaṃ rukkhā phaladhārino”ti vattabbaṃ. Sace “gaṇhatha, bhante, amhākaṃ puññaṃ bhavissati”ti denti, jānāpetvā sampāṭicchitum vaṭṭati. Evaṃ ārāmena ārāmo parivattetabbo. Eteneva nayena ārāmavatthupi vihāropi vihāravatthupi ārāmena parivattetabbam, ārāmavatthunā ca mahantena vā khuddakena vā ārāmaārāmavatthuvihāravihāravatthūni.

Ở đây, cách thức trao đổi như sau: Tăng chúng có một vườn dừa ở xa, những người làm công quả ăn phần nhiều, phần họ không ăn, sau khi trả tiền xe, cũng chỉ mang về được một ít. Còn những người dân làng ở gần vườn cây đó lại có một vườn cây gần tu viện. Họ đến Tăng chúng và xin đổi vườn cây của họ lấy vườn cây đó. Tăng chúng nên biểu quyết: “Tăng chúng tán thành” rồi chấp nhận. Ngay cả khi Tỳ-khưu có một ngàn cây, mà người dân có năm trăm cây, cũng không nên nói: “Vườn của các ông nhỏ hơn.” Vì dù nó nhỏ

hơn, nhưng lại mang lại lợi ích nhiều hơn cái kia. Ngay cả khi nó mang lại lợi ích bằng nhau, cũng nên nhận vì có thể sử dụng bất cứ lúc nào muốn. Nhưng nếu người dân có nhiều cây hơn, nên nói: “Chẳng phải các ông có nhiều cây hơn sao?”. Nếu họ nói: “Để phước báu của chúng tôi được nhiều hơn, chúng tôi xin cúng dường cho Tăng chúng,” thì sau khi cho họ biết, có thể chấp nhận. Nếu cây của Tỳ-khưu đang có quả, cây của người dân chưa có quả, dù chưa có, cũng nên chấp nhận vì nghĩ: “Không lâu nữa sẽ có quả.” Nếu cây của người dân đang có quả, cây của Tỳ-khưu chưa có quả, nên nói: “Chẳng phải cây của các ông đang có quả sao?”. Nếu họ nói: “Xin hãy nhận, thưa ngài, để chúng tôi được phước,” thì sau khi cho họ biết, có thể chấp nhận. Như vậy, nên dùng vườn cây để đổi lấy vườn cây. Bằng cách này, cũng có thể dùng vườn cây để đổi lấy đất vườn cây, tu viện, và đất tu viện. Và dùng đất vườn cây, dù lớn hay nhỏ, để đổi lấy vườn cây, đất vườn cây, tu viện, và đất tu viện.

Katham vihārena vihāro parivattetabbo? Saṅghassa antogāme gehaṃ hoti, manussānaṃ vihāramajjhe pāsādo hoti, ubhopi agghena samakā, sace manussā tena pāsādena taṃ gehaṃ yācanti, sampatīcchitum vaṭṭati. Bhikkhūnaṃ ce mahagghataraṃ gehaṃ hoti, “mahagghataraṃ amhākaṃ geha”nti vutte ca “kiñcāpi mahagghataraṃ pabbajitānaṃ asāruppaṃ, na sakkā tattha pabbajitehi vasitum, idaṃ pana sārappaṃ, gaṇhathā”ti vadanti, evampi sampatīcchitum vaṭṭati. Sace pana manussānaṃ mahagghaṃ hoti, “nanu tumhākaṃ gehaṃ mahaggha”nti vattabbaṃ. “Hotu, bhante, amhākaṃ puññaṃ bhavissatī, gaṇhathā”ti vutte pana sampatīcchitum vaṭṭati. Evampi vihārena vihāro parivattetabbo. Eteneva nayena vihāravatthupi ārāmaṃ ārāmaṃ parivattetabbaṃ, vihāravatthunā ca mahagghena vā appagghena vā vihāravihāravatthuārāmaārāmaṃ parivattetabbaṃ. Evaṃ **thāvarena thāvaraparivattanaṃ** veditabbaṃ.

Làm thế nào để dùng tu viện đổi lấy tu viện? Tăng chúng có một ngôi nhà trong làng, người dân có một lều đài giữa tu viện, cả hai đều có giá trị bằng nhau. Nếu người dân xin đổi lều đài đó lấy ngôi nhà, thì được phép chấp nhận. Nếu nhà của Tỳ-khưu có giá trị hơn, và khi được nói: “Nhà của chúng tôi có giá trị hơn,” họ nói: “Dù có giá trị hơn, nhưng không phù hợp với người xuất gia, người xuất gia không thể ở đó được, còn cái này thì phù hợp, xin hãy nhận,” thì cũng được phép chấp nhận. Nhưng nếu nhà của người dân có giá trị hơn, nên nói: “Chẳng phải nhà của các ông có giá trị hơn sao?”. Nếu được nói: “Cứ để vậy, thưa ngài, để chúng tôi được phước, xin hãy nhận,” thì có thể chấp nhận. Cũng nên dùng tu viện để đổi lấy tu viện như vậy. Bằng cách này, cũng có thể dùng tu viện để đổi lấy đất tu viện, vườn cây, và đất vườn cây. Và dùng đất tu viện, dù có giá trị lớn hay nhỏ, để đổi lấy tu viện, đất tu viện, vườn cây, và đất vườn cây. Như vậy, cần hiểu việc **dùng vật cố định đổi lấy vật cố định**.

### **Garubhaṇḍena garubhaṇḍaparivattane**

pana mañcapīṭhaṃ mahantaṃ vā hotu khuddakaṃ vā, antamaso caturaṅgulapādakaṃ gāmadārahehi paṃsvāgārakesu kīlantehi katampi saṅghassa dinnakālato paṭṭhāya garubhaṇḍaṃ hoti. Sacepi rājarājamahāmatṭādayo ekappahāreneva mañcasataṃ vā mañcasahassaṃ vā denti, sabbe kappiyamañcā sampatīcchitabbā, sampatīcchitvā “vuḍḍhapaṭipāṭiyā saṅghikaparibhogena paribhuñjathā”ti dātabbā, puggalikavasena na dātabbā. Atirekamañce bhaṇḍāgārādīsū paññāpetvā pattacīvaraṃ nikkhipitumpi vaṭṭati. Bahisīmāya “saṅghassa demā”ti dinnamañco saṅghattherassa vasanaṭṭhāne dātabbo. Tattha ce bahū mañcā honti, mañcena kammaṃ natthi. Yassa vasanaṭṭhāne kammaṃ atthi, tattha “saṅghikaparibhogena paribhuñjathā”ti dātabbo. Mahagghena satagghanakena vā saḥassagghanakena vā mañcena aññaṃ mañcasataṃ labhati, parivattetvā gahetabbaṃ. Na kevalaṃ mañcena mañcoveva, ārāmaārāmaṃ parivattetvā vihāravihāravatthupīṭhabhisibimbohanānīpi parivattetum vaṭṭanti. Esa nayo pīṭhabhisibimbohanesupi. Etesu pana akappiyaṃ na paribhuñjitabbaṃ, kappiyaṃ

saṅghikaparibhogena paribhuñjitabbam. Akappiyam vā mahaggham kappiyam vā parivattetvā vuttavatthūni gahetabbāni. Agarubhaṇḍupagam pana bhisibimbohanam nāma natthi.

Còn trong việc **dùng vật dụng nặng đổi lấy vật dụng nặng**, giường và ghế, dù lớn hay nhỏ, ngay cả cái có chân cao bốn lóng tay do trẻ con trong làng làm khi chơi đùa trong nhà đất, từ khi được cúng dường cho Tăng chúng, cũng trở thành vật dụng nặng. Ngay cả khi vua, đại thần v.v... cúng dường một lúc cả trăm hoặc cả ngàn cái giường, tất cả các giường hợp lệ đều nên được nhận. Sau khi nhận, nên chia và nói: “Hãy dùng như của Tăng chúng theo thứ tự tuổi hạ,” không nên chia theo cá nhân. Các giường dư ra, có thể trải trong kho v.v... để đặt y bát. Giường được cúng dường ở ngoài kết giới với lời nói: “Chúng tôi xin cúng dường cho Tăng chúng,” nên được đưa đến nơi ở của trưởng lão Tăng chúng. Nếu ở đó đã có nhiều giường, không cần dùng đến giường nữa. Nên đưa đến nơi ở nào cần dùng và nói: “Hãy dùng như của Tăng chúng.” Nếu có thể đổi một cái giường quý giá trị giá một trăm hoặc một ngàn để lấy một trăm cái giường khác, thì nên đổi và nhận. Không chỉ dùng giường để đổi lấy giường, mà cũng có thể đổi lấy vườn cây, đất vườn cây, tu viện, đất tu viện, ghế, nệm, và gối. Cách này cũng áp dụng cho ghế, nệm, và gối. Trong số này, không nên dùng những thứ không hợp lệ. Những thứ hợp lệ nên được dùng như của Tăng chúng. Những thứ không hợp lệ hoặc những thứ hợp lệ nhưng quý giá nên được đổi để lấy các vật dụng đã nói. Không có nệm gối nào không thuộc loại vật dụng nặng.

**229. Lohakumbhī lohabhāṇakam lohakaṭṭhanti imāni tīṇi mahantāni vā hontu khuddakāni vā, antamaso pasatamattaudakagaṇhanakānipi garubhaṇḍāniyeva.**

**Lohavārako**

pana kāḷalohatambalohavaṭṭalohakaṃsalohānam yena kenaci kato sīhaḷadīpe pādagaṇhanako bhājetabbo. Pādo ca nāma magadhanāḷiyā pañcanāḷimattam gaṇhāti, tato atirekagaṇhanako garubhaṇḍam. Imāni tāva pāḷiyam āgatāni lohabhājanāni. Pāḷiyam pana anāgatāni

bhiṅgārapaṭiggahauḷauṇkadabbikaṭacchupātitaṭṭakasarakasamuggaṇḅārakapalladhūmakat khuddakāni vā mahantāni vā sabbāni garubhaṇḍāni. Patto ayathālakam tambalohathālakanti imāni pana bhājanīyāni. Kaṃsalohavaṭṭalohabhājanavikati saṅghikaparibhogena vā gihivikaṭā vā vaṭṭati, puggalikaparibhogena na vaṭṭati. Kaṃsalohādibhājanam saṅghassa dinnampi hi pārihāriyam na vaṭṭati, gihivikaṭanīhāreneva paribhuñjitabbanti **mahāpaccariyam** vuttam.

**229. Nồi đồng, chảo đồng, chảo đồng lớn**, ba thứ này dù lớn hay nhỏ, ngay cả những cái chỉ chứa được một pasata nước, cũng là vật dụng nặng. Còn **ấm đồng** được làm bằng sắt, đồng, đồng thau, hoặc bất kỳ kim loại nào, ở đảo Sīhaḷa, cái chứa được một pāda thì được phân chia. Một pāda chứa được khoảng năm nāli theo đơn vị Magadha, cái chứa nhiều hơn là vật dụng nặng. Đây là những đồ dùng bằng kim loại được đề cập trong Luật Tạng. Còn những thứ không được đề cập trong Luật Tạng như bình nước, đồ đựng, bình có

vòi, muỗng, vá, đĩa, khay, hộp, lò than, muỗng múc than v.v..., dù nhỏ hay lớn, tất cả đều là vật dụng nặng. Bát, đĩa sắt, đĩa đồng, những thứ này thì được phân chia. Đồ dùng bằng đồng thau, đồng thiếc được dùng như của Tăng chúng hoặc như đồ trang trí của tại gia thì được phép, không được dùng như của cá nhân. Vì đồ dùng bằng đồng thau v.v... dù được cúng dường cho Tăng chúng cũng không được mang theo bên mình, mà chỉ được dùng theo cách trang trí của tại gia. Điều này được nói trong sách **mahāpaccariyaṃ**.

**Ṭhapetvā pana bhājanavikaṭṭhi aññasmimpi kappiyalohabhaṇḍe añjanī añjanisalākā kaṇṇamalahaṇṇī sūci paṇṇasūci khuddako pipphalako khuddakaṃ āraṇṇakāṃ kuṇḍikā tālaṃ kattarayaṭṭhi vedhako natthudānaṃ bhiṇḍivālo lohakūṭo lohakutti lohaguḷo lohapiṇḍi lohacakkalikaṃ aññampi vippakatalohabhaṇḍaṃ bhājanīyaṃ.**

**Dhūmanettaphālādīparukkhadīpakapallakaolambakadīpaitthipurisatiracchānagatarūpakāni pana aññāni vā bhitticchadanakavāṭādīsu upanetabbāni antamaso lohakhilakaṃ upādāya sabbāni lohabhaṇḍāni garubhaṇḍāniyeva honti, attanā laddhānipi pariharitvā puggalikaparibhogena na paribhuñjitabbāni, saṅghikaparibhogena vā gihivikaṭṭhāni vā vaṭṭanti. Tipubhaṇḍepi eseva nayo. Khīrapāsāṇamayāni taṭṭakasarakādīni garubhaṇḍāniyeva.**

Nhưng ngoài đồ trang trí, trong số các đồ dùng bằng kim loại hợp lệ khác, hộp đựng thuốc nhỏ mắt, que nhỏ thuốc, dụng cụ lấy ráy tai, kim, kim khâu lá, gậy chống nhỏ, gai nhọn nhỏ, chìa khóa, ổ khóa, gậy giữ cửa, que thăm, ống nhỏ thuốc mũi, cái xiên, búa sắt, dao sắt, viên sắt, cục sắt, vòng sắt, và các đồ dùng bằng kim loại chưa hoàn thiện khác, đều được phân chia. Nhưng ống thổi lửa, chân đèn, giá đèn, đèn treo, và các hình tượng nam, nữ, thú v.v... hoặc các vật dụng khác được dùng trên tường, mái, cửa v.v..., cho đến cả cái đinh sắt, tất cả các đồ dùng bằng kim loại này đều là vật dụng nặng. Ngay cả những thứ mình nhận được cũng không được mang theo và dùng như của cá nhân. Dùng như của Tăng chúng hoặc như đồ trang trí của tại gia thì được phép. Đối với đồ dùng bằng thiếc cũng theo cách này. Các loại đĩa, khay v.v... làm bằng đá cẩm thạch đều là vật dụng nặng.

**Ghaṭako pana telabhājanaṃ vā pādagaṇhanakato atirekameva garubhaṇḍaṃ.**

**Suvaṇṇarajatahārakūṭajātīphalīkabhājanāni gihivikaṭṭhāni na vaṭṭanti, pageva saṅghikaparibhogena vā puggalikaparibhogena vā. Senāsanaparibhoge pana āmāsampi anāmāsampi sabbam vaṭṭati.**

Còn **bình**, dù là bình dầu hay lớn hơn cái chứa được một pāda, đều là vật dụng nặng. Đồ dùng bằng vàng, bạc, chì, kẽm, pha lê, dù là đồ trang trí của tại gia cũng không được phép, hướng chỉ là dùng như của Tăng chúng hay của cá nhân. Nhưng trong việc sử dụng chỗ ở, tất cả những gì có thể chạm vào và không thể chạm vào đều được phép.

**Vāsiādīsu yāya vāsiyā ṭhapetvā dantakaṭṭhacchedanaṃ vā ucchutacchanaṃ vā aññaṃ mahākammaṃ kātuṃ na sakkā, ayaṃ bhājanīyā. Tato mahantatarā yena kenaci ākārena katā vāsi garubhaṇḍameva. Pharasu pana antamaso vejjānaṃ sirāvedhanapharasupi**

garubhaṇḍameva. **Kuṭhāriyaṃ** pharasusadisoyeva vinicchayo. Yā pana āvudhasaṅkhepena katā, ayaṃ anāmāsā. **Kudālo** antamaso caturaṅgulamattopi garubhaṇḍameva. **Nikhādanam** caturassamukhaṃ vā hotu doṇimukhaṃ vā vaṅkaṃ vā ujukaṃ vā, antamaso sammunjanīdaṇḍakavedhanampi daṇḍabaddhaṃ ce, garubhaṇḍameva. Sammunjanīdaṇḍakhaṇanakaṃ pana adaṇḍakaṃ phalamattameva. Yaṃ sakkā sipāṭikāya pakkhipitvā pariharitum, taṃ bhājanīyaṃ. Sikharampi nikhādaneneva saṅgahitaṃ. Yehi manussehi vihare vāsiādīni dinnāni honti, te ce ghare daḍḍhe vā corehi vā vilutte “detha no, bhante, upakaraṇe, puna pākatike karissāmā”ti vadanti, dātabbā. Sace āharanti, na vāretabbā, anāharantāpi na codetabbā.

Trong số các loại **riù** v.v..., cây riù nào ngoài việc dùng để cắt tằm xĩa răng hoặc gọt mía mà không thể làm được công việc lớn nào khác, thì được phân chia. Cây riù lớn hơn, được làm bằng bất kỳ hình thức nào, đều là vật dụng nặng. Đối với **búa**, ngay cả **búa** của thầy thuốc dùng để chích lễ, cũng là vật dụng nặng. Đối với **búa nhỏ**, sự phân tích cũng tương tự như **búa**. Nhưng cái được làm theo dạng vũ khí thì không được chạm vào. Đối với **cuốc**, ngay cả cái chỉ dài bốn lóng tay cũng là vật dụng nặng. Đối với **thuổng**, dù có miệng vuông, miệng thuyền, cong hay thẳng, ngay cả cái dùng để khoét lỗ trên cán chổi, nếu có cán, cũng là vật dụng nặng. Nhưng cái dùng để đào lỗ trên cán chổi chỉ có lưỡi, không có cán. Cái nào có thể bỏ vào túi mang đi được thì được phân chia. Mũi nhọn cũng được tính chung với thuổng. Nếu những người đã cúng dường riù v.v... cho tu viện, sau khi nhà bị cháy hoặc bị trộm cướp, đến nói: “Thưa ngài, xin cho chúng tôi mượn dụng cụ, chúng tôi sẽ làm lại cái mới,” thì nên cho mượn. Nếu họ mang về thì không nên ngăn cản, nếu không mang về cũng không nên đòi.



Kammāratacchakāracundakāraṇaḷakāramaṇikārapattabandhakānaṃ  
 adhikaraṇimuttthikasaṇḍāsatulādīni sabbāni lohamayaupakaraṇāni saṅghe dinnakālato  
 paṭṭhāya garubhaṇḍāni. Tipukoṭṭakasuvaṇṇakāracammakāraupakaraṇesupi ese va nayo.  
 Ayaṃ pana viseso – tipukoṭṭakaupakaraṇesupi tipucchedanakasatthakaṃ,  
 suvaṇṇakāraupakaraṇesu suvaṇṇacchedanakasatthakaṃ, cammakāraupakaraṇesu  
 kataparikkammamacchedanakakhuddakasatthakanti imāni bhājanīyabhaṇḍāni.  
 Nahāpitatunnakāraupakaraṇesupi ṭhapetvā mahākattariṃ mahāsaṇḍāsaṃ  
 mahāpipphalikañca sabbamaṃ bhājanīyaṃ, mahākattariādīni garubhaṇḍāni.

Các dụng cụ bằng kim loại của thợ rèn, thợ mộc, thợ tiện, thợ đan, thợ làm đá quý, thợ vá  
 bát như kìm, búa, kẹp, cân v.v..., tất cả từ khi được cúng dường cho Tăng chúng đều là  
 vật dụng nặng. Đối với dụng cụ của thợ làm thiếc, thợ kim hoàn, thợ da cũng theo cách  
 này. Nhưng có điểm khác biệt này: trong số các dụng cụ của thợ làm thiếc, có dao cắt  
 thiếc; trong số các dụng cụ của thợ kim hoàn, có dao cắt vàng; trong số các dụng cụ của  
 thợ da, có dao nhỏ cắt da đã được xử lý, những thứ này là vật dụng được phân chia. Trong  
 số các dụng cụ của thợ cắt tóc, thợ may, ngoài kéo lớn, kẹp lớn và kim lớn, tất cả đều  
 được phân chia. Kéo lớn v.v... là vật dụng nặng.

**Vallī**ādīsu vettavallīādikā yā kāci aḍḍhabāhuppamāṇā valli saṅghassa dinnā vā  
 tatthajātakā vā rakkhitaḡopitā garubhaṇḍamaṃ hoti, sā saṅghakamme ca cetiyakamme ca  
 kate sace atirekā hoti, puggalikakammepi upanetuṃ vaṭṭati. Arakkhitā pana  
 garubhaṇḍameva na hoti. Suttamakacivākanāḷikerahīracammamayā rajjukā vā yottāni vā  
 vāke ca nāḷikerahīre ca vaṭṭetvā katā ekavaṭṭā vā dvivaṭṭā vā saṅghassa dinnakālato  
 paṭṭhāya garubhaṇḍamaṃ. Suttaṃ pana avaṭṭetvā dinnamaṃ makacivākanāḷikerahīrā ca  
 bhājanīyā. Yehi panetāni rajjukayottādīni dinnāni honti, te attano karaṇīyena harantā na  
 vāretabbā.

Trong số các loại **dây leo** v.v..., bất kỳ loại dây leo nào như dây mây, dài khoảng nửa  
 cánh tay, khi được cúng dường cho Tăng chúng hoặc mọc ở đó, được bảo vệ và chăm sóc,  
 đều là vật dụng nặng. Sau khi đã làm xong công việc của Tăng chúng và công việc của  
 bảo tháp, nếu còn thừa, cũng có thể dùng vào công việc cá nhân. Nhưng nếu không được  
 bảo vệ thì không phải là vật dụng nặng. Dây thừng hoặc dây buộc làm bằng chỉ, xơ dừa,  
 xơ cọ, da, được bên một lớp hoặc hai lớp, từ khi được cúng dường cho Tăng chúng đều là  
 vật dụng nặng. Nhưng chỉ chưa được bên, xơ dừa và xơ cọ thì được phân chia. Nhưng  
 những người đã cúng dường các loại dây thừng, dây buộc này, nếu họ mang đi vì công  
 việc của mình thì không nên ngăn cản.

Yo koci antamaso aṭṭhaṅgulasūcidaṇḍakamattopi **veḷu** saṅghassa dinno vā tatthajātako  
 vā rakkhitaḡopito garubhaṇḍamaṃ, sopi saṅghakamme ca cetiyakamme ca kate atireko  
 puggalikakamme ca dātuṃ vaṭṭati. Pādagaṇṇhanakatelanāḷi pana kattarayaṭṭhi  
 upāhanadaṇḍako chattadaṇḍako chattasalākāti idamettha bhājanīyabhaṇḍamaṃ.

**Daḍḍhagehamanussā gaṇhitvā gacchantā na vāretabbā. Rakkhitagopitaṃ veḷuṃ gaṇhantena samakaṃ vā atirekaṃ vā thāvaram antamaso taṃagghanakavallikāyapi phātikammaṃ katvā gahetabbo, phātikammaṃ akatvā gaṇhantena tattheva vaḷañjetabbo. Gamanakāle saṅghike āvāse ṭhapetvā gantabbaṃ, asatiyā gahetvā gatena paṇṇitvā dātabbo. Desantaragatena sampattavihāro saṅghikāvāse ṭhapetabbo.**

Bất kỳ cây **tre** nào, dù chỉ bằng một cây kim dài tám ngón tay, khi được cúng dường cho Tăng chúng hoặc mọc ở đó, được bảo vệ và chăm sóc, đều là vật dụng nặng. Sau khi đã làm xong công việc của Tăng chúng và công việc của bảo tháp, nếu còn thừa, cũng có thể đưa vào công việc cá nhân. Nhưng ống dầu chứa được một pāda, gậy giữ cửa, que cầm dép, cán dù, nan dù, những thứ này là vật dụng được phân chia. Những người nhà bị cháy, nếu họ lấy đi cũng không nên ngăn cản. Người nào lấy tre được bảo vệ và chăm sóc, phải đổi bằng một vật cố định có giá trị tương đương hoặc lớn hơn, dù chỉ là một sợi dây leo có giá trị tương đương. Người nào lấy mà không đổi, phải sử dụng ngay tại đó. Khi ra đi, nên để lại ở trú xứ của Tăng chúng. Nếu quên mà mang đi, phải gửi trả lại. Nếu đã đi đến xứ khác, nên để lại ở trú xứ của Tăng chúng tại tu viện đã đến.

**Tiṇanti muñjañca pabbajañca ṭhapetvā avasesaṃ yaṃ kiñci tiṇaṃ. Yattha pana tiṇaṃ natthi, tattha paṇṇehi chādenti, tasmā paṇṇampi tiṇeneva saṅgahitaṃ. Iti muñjādīsu yaṃ kiñci muṭṭhippamāṇaṃ tiṇaṃ tālapaṇṇādīsu ca ekapaṇṇampi saṅghassa dinnam vā tatthajātaṃ vā bahārāme saṅghassa tiṇavatthuto jātatiṇaṃ vā rakkhitagopitaṃ garubhaṇḍaṃ hoti, tampi saṅghakamme ca cetiyakamme ca kate atirekaṃ puggalikakamme dātuṃ vaṭṭati, daḍḍhagehamanussā gahetvā gacchantā na vāretabbā. Aṭṭhaṅgulappamāṇopi rittapotthako garubhaṇḍameva.**

**Cỏ** là bất kỳ loại cỏ nào ngoài cỏ muñja và cỏ pabbaja. Ở nơi nào không có cỏ, họ dùng lá để lợp, do đó lá cũng được tính chung với cỏ. Như vậy, trong các loại cỏ muñja v.v..., bất kỳ loại cỏ nào bằng một nắm tay, và trong các loại lá cọ v.v..., dù chỉ một lá, khi được cúng dường cho Tăng chúng hoặc mọc ở đó, hoặc cỏ mọc từ đất cỏ của Tăng chúng ở ngoài tu viện, được bảo vệ và chăm sóc, đều là vật dụng nặng. Sau khi đã làm xong công việc của Tăng chúng và công việc của bảo tháp, nếu còn thừa, cũng có thể đưa vào công việc cá nhân. Những người nhà bị cháy, nếu họ lấy đi cũng không nên ngăn cản. Ngay cả một cuốn sách kinh trống dài tám ngón tay cũng là vật dụng nặng.

**Mattikā** pakatimattikā vā hotu pañcavaṇṇā vā sudhā vā sajjurasakaṅguṭṭhasilesādīsu vā yaṃ kiñci dullabhaṭṭhāne ānetvā dinnam tatthajātaṃ vā, rakkhitagopitaṃ tālaphalapakkamattaṃ garubhaṇḍaṃ hoti, tampi saṅghakamme ca cetiyakamme ca niṭṭhite atirekaṃ puggalikakamme ca dātuṃ vaṭṭati, hiṅguhiṅgulakaharitālamanoṣilañjanāni pana bhājanīyabhaṇḍāni.

**Đất sét**, dù là đất sét tự nhiên hay năm màu, hoặc vôi, hoặc bất kỳ thứ gì như nhựa cây, đất sét dẻo, keo v.v... được mang từ nơi khó tìm đến cúng dường hoặc mọc ở đó, được bảo vệ và chăm sóc, bằng một quả cọ chín, là vật dụng nặng. Sau khi đã hoàn thành công việc

của Tăng chúng và công việc của bảo tháp, nếu còn thừa, cũng có thể đưa vào công việc cá nhân. Nhưng asafoetida, chu sa, hoàng đằng, hùng hoàng, thuốc nhỏ mắt thì là vật dụng được phân chia.

**Dārubhaṇḍe** “yo koci aṭṭhaṅgulasūcidaṇḍamattopi dārubhaṇḍako dārudullabhaṭṭhāne saṅghassa dinno vā tatthajātako vā rakkhitagopito, ayaṃ garubhaṇḍaṃ hotī”ti **kurundiyam** vuttaṃ. **Mahāaṭṭhakathāyaṃ** pana sabbampi dāruveḷucammaṃpāsāṇādivikaṭṭhaṃ dārubhaṇḍena saṅgaṇhitvā āsandikato paṭṭhāya dārubhaṇḍe vinicchayo vutto. Tatrāyaṃ nayo – āsandiko sattaṅgo bhaddapīṭhaṃ pīṭhikā ekapāḍakapīṭhaṃ āmaṇḍakavaṇṭakapīṭhaṃ phalakaṃ kocchaṃ palālapīṭhanti imesu tāva yaṃ kiñci khuddakaṃ vā hotu mahantaṃ vā, saṅghassa dinnaṃ garubhaṇḍaṃ hoti. Palālapīṭhena cettha kadalipattāḍipīṭhānīpi saṅgaṇhitāni. Byagghacammaonaddhampi vālarūpaparikkhittaṃ ratanaparisisbbitaṃ kocchaṃ garubhaṇḍameva, vaṅkaphalakaṃ dīghaphalakaṃ cīvaradhovanaphalakaṃ ghaṭṭanaphalakaṃ ghaṭṭanamuggaro dantakaṭṭhacchedanagaṇṭhikā daṇḍamuggaro ambaṇaṃ rajanadoṇi udakapaṭicchako dārumayo vā dantamayo vā veḷumayo vā sapāḍakopi apāḍakopi samuggo mañjūsā pādagaṇhanakato atirekappamaṇo karaṇḍo udakadoṇi udakakaṭṭhāṃ uḷuṅko kaṭacchu pāṇiyasarāvaṃ pāṇiyasaṅkhoti etesupi yaṃ kiñci saṅghe dinnaṃ garubhaṇḍaṃ. Saṅkhathālakam pana bhājanīyaṃ, tathā dārumayo udakatumbo.

Đối với **đồ gỗ**, trong sách **Kurundiyam** có nói: “Bất kỳ đồ gỗ nào, dù chỉ bằng một cây kim dài tám ngón tay, ở nơi hiểm gỗ, khi được cúng dường cho Tăng chúng hoặc mọc ở đó, được bảo vệ và chăm sóc, đều là vật dụng nặng.” Nhưng trong **Mahāaṭṭhakathāyaṃ**, tất cả các sản phẩm làm từ gỗ, tre, da, đá v.v... đều được gộp chung vào đồ gỗ, và sự phân tích về đồ gỗ được nói bắt đầu từ ghế. Ở đó, cách thức như sau: ghế dài bảy chân, ghế tốt, ghế nhỏ, ghế một chân, ghế có chân tròn, ván, ghế đệm, ghế rơm, trong số này, bất kỳ cái nào dù nhỏ hay lớn, khi được cúng dường cho Tăng chúng đều là vật dụng nặng. Ghế rơm ở đây cũng bao gồm cả ghế làm từ lá chuối v.v... Ghế đệm được bọc bằng da cạp, trang trí hình thú, viền bằng đá quý cũng là vật dụng nặng. Ván cong, ván dài, ván giặt y, ván chà, chày chà, khúc gỗ cắt tằm xĩa răng, chày gỗ, thùng, máng nhuộm, đồ che nước, dù làm bằng gỗ, ngà, hay tre, có chân hay không, hộp, rương, tráp lớn hơn cái chứa được một pāda, máng nước, chảo nước, gáo, vá, bát uống nước, ly uống nước, trong số này, bất kỳ cái nào được cúng dường cho Tăng chúng đều là vật dụng nặng. Nhưng đĩa ốc, và bầu nước bằng gỗ thì được phân chia.

Pāḍakathalikamaṇḍalaṃ dārumayaṃ vā hotu coḷapaṇṇādimayaṃ vā, sabbam garubhaṇḍaṃ. Ādhāraḷakopattapīḍhānaṃ tālavaṇṭaṃ bījanī caṅkoṭakaṃ pacchi yaṭṭhisammuṇjanī muṭṭhisammuṇjanīti etesupi yaṃ kiñci khuddakaṃ vā hotu mahantaṃ vā, dāruveḷupaṇṇacammādisu yena kenaci kataṃ garubhaṇḍameva. Thambhatulāsopānaphalakādisu dārumayaṃ vā pāsāṇamayaṃ vā yaṃ kiñci gehasambhārarūpaṃ yo koci kaṭasāraḷako yaṃ kiñci bhūmattharaṇaṃ yaṃ kiñci

akappiyacammaṃ, sabbamaṃ saṅghe dinnamaṃ garubhaṇḍamaṃ, bhūmattharaṇamaṃ kātumaṃ vaṭṭati. Eḷakacammaṃ pana paccattharaṇagatikamaṃ hoti, tampi garubhaṇḍameva. Kappiyacammāni bhājanīyāni. **Kurundiyamaṃ** pana “sabbamaṃ mañcappamāṇamaṃ cammaṃ garubhaṇḍa”nti vuttaṃ.

Khăn lau chân, dù làm bằng gỗ hay vải, lá v.v..., tất cả đều là vật dụng nặng. Giá đỡ, nắp bát, quạt lá cọ, quạt, giỏ, túi, chổi cán dài, chổi cán ngắn, trong số này, bất kỳ cái nào dù nhỏ hay lớn, được làm bằng gỗ, tre, lá, da v.v..., đều là vật dụng nặng. Trong số các cột, xà, ván cầu thang v.v..., dù làm bằng gỗ hay đá, bất kỳ thứ gì thuộc dạng vật liệu xây dựng, bất kỳ loại chiếu sậy nào, bất kỳ loại thảm trải sàn nào, bất kỳ loại da nào không hợp lệ, tất cả khi được cúng dường cho Tăng chúng đều là vật dụng nặng, được phép dùng để làm thảm trải sàn. Da cừu thì thuộc loại thảm lót, nó cũng là vật dụng nặng. Các loại da hợp lệ thì được phân chia. Nhưng trong sách **Kurundiyamaṃ** có nói: “Tất cả các loại da có kích thước bằng một cái giường đều là vật dụng nặng.”

Udukkhalaṃ musalaṃ suppaṃ nisadaṃ nisadapoto pāsāṇadoṇi pāsāṇakaṭāhaṃ turivemabhastādi sabbhaṃ pesakārādibhaṇḍaṃ sabbhaṃ kasibhaṇḍaṃ sabbhaṃ cakkayuttakaṃ yānaṃ garubhaṇḍameva. Mañcapādo mañcaṭaṇi pīṭhapādo pīṭhaṭaṇi vāsipharasuādīnaṃ daṇḍāti etesu yaṃ kiñci vippakatatacchanakammaṃ anīṭṭhitameva bhājanīyaṃ, tacchitamaṭṭhaṃ pana garubhaṇḍaṃ hoti. Anuññātavāsiyā pana daṇḍo chattaṃuṭṭhipaṇṇaṃ kattarayaṭṭhi upāhanā araṇisahitaṃ dhammakaraṇo pādagaṇhanakato anatirittaṃ āmalakatumbaṃ āmalakaghaṭo lābukatumbaṃ lābughaṭo visāṇakatumbanti sabbamevettaṃ bhājanīyaṃ, tato mahantataraṃ garubhaṇḍaṃ. Hatthidanto vā yaṃ kiñci visāṇaṃ vā atacchitaṃ yathāgatameva bhājanīyaṃ. Tehi katamañcapādādīsu purimasadisoyeva vinicchayo. Tacchitaniṭṭhitopi hiṅgukaraṇḍako gaṇṭhikā vidho añjaṇi añjaṇīsalākā udakapuñchanīti idaṃ sabbhaṃ bhājanīyameva.

Cối, chày, nia, sàng, cối đá, chảo đá, khung cửi và các dụng cụ dệt vải khác, tất cả các dụng cụ nông nghiệp, tất cả các loại xe có bánh, đều là vật dụng nặng. Chân giường, thanh giường, chân ghế, thanh ghế, cán cửa rìu, búa v.v..., trong số này, bất kỳ công việc điêu khắc nào chưa hoàn thiện đều được phân chia, nhưng khi đã được điêu khắc và hoàn thiện thì là vật dụng nặng. Nhưng cán của cây rìu được phép, nắp dù, gậy giữ cửa, dép, dụng cụ đánh lửa, ghế pháp, bầu đựng quả amla không lớn hơn cái chứa được một pāda, bình đựng quả amla, bầu hồ lô, bình hồ lô, bình sừng, tất cả những thứ này đều được phân chia. Cái lớn hơn là vật dụng nặng. Ngà voi hoặc bất kỳ loại sừng nào chưa được điêu khắc, như nó vốn có, thì được phân chia. Đối với chân giường v.v... được làm từ chúng, sự phân tích cũng tương tự như trên. Ngay cả hộp đựng asafoetida, nút, móc, hộp đựng thuốc nhỏ mắt, que nhỏ thuốc, đồ lau nước đã được điêu khắc hoàn thiện, tất cả những thứ này đều được phân chia.

**Mattikābhaṇḍe** sabbhaṃ manussānaṃ upabhogaparibhogaṃ ghaṭapīṭharādikulālabhājanaṃ pattakaṭāhaṃ aṅgārakaṭāhaṃ dhūmadānaṃ dīparukkhako dīpakapallikā cayaniṭṭhakā chadaniṭṭhakā thūpikāti saṅghassa dinnakālato paṭṭhāya garubhaṇḍaṃ, pādagaṇhanakato anatirittappamāṇo pana ghaṭako pattaṃ thālakaṃ kañcanaṃ kuṇḍikāti idamettha bhājanīyabhaṇḍaṃ. Yathā ca mattikābhaṇḍe, evaṃ lohabhaṇḍepi kuṇḍikā bhājanīyakoṭṭhāsameva bhajati ayamettha anupubbikathā.

Đối với **đồ đất sét**, tất cả các đồ dùng của con người như nồi, niêu, và các đồ gốm khác, chảo, lò than, lư hương, giá đèn, đèn treo, gạch xây, gạch lợp, tháp nhỏ, từ khi được cúng dường cho Tăng chúng đều là vật dụng nặng. Nhưng bình không lớn hơn cái chứa được một pāda, bát, đĩa, bình, tịnh bình, những thứ này là vật dụng được phân chia. Giống như trong đồ đất sét, trong đồ kim loại cũng vậy, tịnh bình thuộc về nhóm được phân chia. Đây là lời nói tuần tự.

Iti pāḷimuttakavinayavinicchayaṅgahe

Garubhaṇḍavinicchayakathā samattā.

Trong Tập hợp phân tích giới luật ngoài Tam Tạng Pāḷi

Chấm dứt lời luận giải về các vật dụng nặng.